TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST
Ngày: 02-6-2020.

"V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai

Ông Nguyễn Phát Triển.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Huỳnh Phát Đạt- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 02 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2019/TLST-DS, ngày 20/12/2019, "V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐST-DS ngày 27/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 320/2020/QĐST-DS ngày 14/5/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Phạm Thị Tuyết P, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số nhà 191A/1, ấp TL, xã PH, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Văn U, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số nhà 3B/1, ấp TB, xã PH, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/9/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn Phạm Thị Tuyết P trình bày:

Bà P cho rằng giữa bà và bị đơn Nguyễn Văn U có quen biết nên ông U thường đến nhà Bà P mượn tiền. Cụ thể vào ngày 12/9/2013 âm lịch, Bà P có cho Nguyễn Văn U vay số tiền 100.000.000đ, việc vay tiền thì ông U có viết biên nhận và ký tên, ghi họ tên vào biên nhận, việc vay tiền tiền không thỏa thuận thời gian trả, biên nhận không ghi lãi suất nhưng có thỏa thuận lãi suất miệng là 2%/tháng. Khi vay tiền xong thì Út không đóng lãi, trả tiền vốn vay cho Bà P. Bà P có nhiều lần gặp trực tiếp Út để yêu cầu trả nợ nhưng ông U cứ hứa hẹn nhưng vẫn không thực hiện.

Nay Bà P yêu cầu giải quyết buộc ông U trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, bị đơn ông Nguyễn Văn U đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn Nguyễn Văn U, vẫn cố tình vắng mặt và không có ý kiến trình bày hay giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn Phạm Thị Tuyết P và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn Nguyễn Văn U là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy, việc bà Phạm Thị Tuyết P yêu cầu ông Nguyễn Văn U trả số tiền vốn vay 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Để chứng minh cho yêu cầu của mình Bà P đã xuất trình được biên nhận ngày 12/9al/2013 do ông U viết và ký tên. Thế nhưng, Tòa án đã thông báo cho ông U biết về các tài liệu, chứng cứ mà Bà P đã giao nộp cho Tòa án, trong đó có biên nhận vay tiền thông qua Thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông U theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông U vẫn không có ý kiến thể hiện sự phản đối đối với biên nhận mà Bà P đã giao nộp cho Tòa án, đồng thời cũng không giao nộp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền lợi cho mình hoặc có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Điều này, chứng tỏ rằng ông U đã không phản đối đối với biên nhận mà Bà P đã giao nộp cho Tòa án. Do đó Hội đồng xét xử nhận định việc ông U có vay của Bà P số tiền 100.000.000 đồng là có thật nên ông U phải có nghĩa vụ trả cho Bà P tiền vốn vay là 100.000.000 đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thị Tuyết P được chấp nhận nên bị đơn Nguyễn Văn U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 và khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Phạm Thị Tuyết P về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Văn U trả tiền vốn vay 100.000.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn U phải có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị Tuyết P vốn vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

2. Về án phí, tạm ứng án phí:

- Ông Nguyễn Văn U phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Tuyết P số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí, án phí Tòa án số 0001932, ngày 18/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày (02/6/2020).

Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Trọng Hiếu